

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000
Mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030
và tầm nhìn sau năm 2030, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1764/QĐ-BGTVT ngày 03/8/2011 của Bộ GTVT phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4);

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 84/TTr-SXD ngày 08/8/2014 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, Mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030, thành phố Quy Nhơn và đề nghị của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại Văn bản số 539/TTr-CQN ngày 02/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Quy mô và phạm vi quy hoạch xây dựng: Khu đất quy hoạch xây dựng thuộc phường Hải Cảng và phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn. Giới cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp: Luồng tàu vào cảng Quy Nhơn.
- Phía Tây giáp: Cảng Đồng Đa.
- Phía Nam giáp: Khu vực tàu thuyền tránh trú bão đầm Thị Nại.
- Phía Bắc giáp: Đầm Thị Nại.

Quy mô quy hoạch xây dựng:

- Giai đoạn năm 2020-2030: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch Mở rộng cảng Quy Nhơn khoảng: 95,1ha.

Trong đó:

+ Diện tích quy hoạch xây dựng khu vực cảng Quy Nhơn thuộc phường Hải Cảng: 68,1ha.

+ Diện tích quy hoạch xây dựng Khu cảng hàng lỏng (cảng Xăng dầu thuộc phường Thị Nại): 3,0ha.

+ Diện tích quy hoạch khu nước - vũng quay tàu của cảng Quy Nhơn và Khu cảng hàng lỏng có diện tích: 24,0ha.

- Giai đoạn sau năm 2030: Quy hoạch mở rộng cảng Quy Nhơn bổ sung thêm khu vực phía Đông đường Phan Chu Trinh và phía Bắc đường Trần Hưng Đạo với diện tích khoảng: 21ha (không bao gồm các khu vực dân cư xung quanh đã được thành phố Quy Nhơn quy hoạch).

3. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch phát triển mở rộng cảng Quy Nhơn thành một trong những cảng biển hiện đại mang tầm khu vực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định, khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế khu đất, khu nước; tổ chức các khu chức năng với tiện nghi, cơ sở hạ tầng hiện đại, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu ô nhiễm môi trường hướng tới phát triển bền vững.

- Tăng nguồn thu cho ngân sách, làm động lực thúc đẩy quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế địa phương, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng trưởng kinh tế - xã hội trong khu vực và trên cả nước.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý đầu tư xây dựng, triển khai thực hiện mở rộng cảng Quy Nhơn.

4. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

a. Cảng Quy Nhơn mở rộng giai đoạn đầu đến năm 2020

- Cơ cấu sử dụng đất cảng Quy Nhơn mở rộng giai đoạn đầu đến năm 2020: 64,26ha, trong đó:

+ Diện tích xây dựng cảng Quy Nhơn: 52,26ha.

+ Diện tích mặt nước - vũng quay tàu: 12,0ha.

STT	Thành phần	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Cảng Quy Nhơn mở rộng	50,98	97,55
1	Đất xây dựng cầu cảng	2,44	4,66
2	Đất xây dựng kho - bãi hàng container	31,16	62,08
3	Đất hành chính - dịch vụ	2,06	3,95
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,45	0,86
5	Đất cây xanh	3,97	7,60
6	Đất giao thông	10,90	20,85
II	Khu cảng hàng lỏng (cảng Xăng dầu hiện hữu)	1,28	2,45
	Tổng diện tích cảng Quy Nhơn mở rộng	52,26	100,00
III	Quy hoạch khu mặt nước - vùng quay tàu	12,00	
	Tổng cộng	64,26	

b. Cảng Quy Nhơn mở rộng giai đoạn đến năm 2030

- Cơ cấu sử dụng đất cảng Quy Nhơn mở rộng giai đoạn đến năm 2030: 95,10ha, trong đó:

+ Diện tích xây dựng cảng Quy Nhơn: 71,10ha.

+ Diện tích mặt nước - vùng quay tàu: 24,0ha.

STT	Thành phần	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Cảng Quy Nhơn mở rộng	68,10	95,78
1	Đất xây dựng cầu cảng	4,58	6,44
2	Đất xây dựng kho - bãi hàng	37,25	56,60
3	Đất hành chính - dịch vụ	3,41	4,80
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,60	0,85
5	Đất cây xanh	7,15	10,06
6	Đất giao thông	15,11	21,26

II	Khu cảng hàng lỏng (cảng Xăng dầu thuộc phường Thị Nại)	3,00	4,22
	Tổng diện tích cảng Quy Nhơn mở rộng	71,10	100,00
III	Quy hoạch khu mặt nước - vùng quay tàu	24,00	
	Tổng cộng	95,10	

c. Cảng Quy Nhơn mở rộng giai đoạn sau năm 2030

- Quy hoạch mở rộng cảng Quy Nhơn bổ sung thêm khu vực phía Đông đường Phan Chu Trinh và phía Bắc đường Trần Hưng Đạo với diện tích khoảng: 21ha (không bao gồm các khu vực dân cư xung quanh đã được thành phố Quy Nhơn quy hoạch).

5. Dự báo các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng mở rộng cảng Quy Nhơn

a. Dự báo quy mô công suất cảng

- Giai đoạn đến năm 2015: Hàng hóa thông qua cảng trên 10 triệu tấn/năm (trong đó, cảng Quy Nhơn trên 8 triệu tấn/năm).

- Giai đoạn đến năm 2020: Hàng hóa thông qua cảng từ 15-18 triệu tấn/năm;

- Giai đoạn đến năm 2030: Hàng hóa thông qua cảng từ 25-30 triệu tấn/năm;

b. Quy hoạch tuyến bến cảng

- Quy hoạch tuyến bến giai đoạn đến năm 2020: Gồm 06 bến cho tàu 30.000 DWT đủ tải, tàu 50.000 DWT giảm tải với tổng chiều dài 1.069m và 01 bến cho tàu hàng lỏng. Trong đó:

+ Khu bến tổng hợp, bến hàng rời nằm phía thượng lưu bến nhô: Gồm 4 bến cho tàu đến 30.000DWT với tổng chiều dài 699m trong đó có 02 bến liên bờ và 02 bến thuộc cầu nhô hiện hữu.

+ Khu bến container nằm phía hạ lưu bến nhô: Gồm 2 bến cho tàu 30.000DWT - 50.000DWT với tổng chiều dài 370m, trong đó gồm: 01 bến hiện hữu dài 170m được chuyển đổi công năng từ bến tổng hợp thành bến container và 1 bến của Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn đang đầu tư xây dựng dài 200m.

+ Khu bến hàng lỏng hiện hữu: gồm 01 bến phao cho tàu 10.000DWT.

- Quy hoạch tuyến bến đến năm 2030: Gồm 10 bến tổng hợp, container cho tàu 30.000DWT đủ tải, tàu 50.000DWT giảm tải với tổng chiều dài 1.869m và 01 bến cho tàu hàng lỏng, trong đó:

+ Khu bến tổng hợp nằm phía thượng lưu bến nhô: Gồm 6 bến cho tàu 30.000DWT với tổng chiều dài 1.151m, trong đó có 2 bến (bến số 5, 6) hiện hữu với chiều dài 351m và 4 bến xây dựng mới (bến số 1, 2, 3, 4) nối tiếp phía thượng lưu (quy hoạch đến năm 2030) với tổng chiều dài 800m.

+ Khu bến container nằm phía hạ lưu bến nhô: Gồm 4 bến cho tàu 30.000DWT - 50.000DWT với tổng chiều dài 718m, trong đó gồm 2 bến của cầu nhô hiện hữu dài 2x174m; 1 bến hiện hữu dài 170m được chuyển đổi công năng từ bến tổng hợp thành bến container và 1 bến của Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn đã được đầu tư xây dựng dài 200m.

+ Khu bến hàng lỏng (thuộc Phường Thị Nại): Gồm 01 bến dạng trụ neo và cho tàu 20.000DWT để bố trí đi dờn cho Khu cảng hàng lỏng (cảng Xăng dầu hiện hữu).

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

a. San nền

- San nền cục bộ tùy theo khu vực tạo hướng dốc dần về phía các trục đường giao thông chính và thoát ra biển. Độ dốc san nền đảm bảo thoát nước: $0,2\% \div 0,4\%$

- Giải pháp san nền: Mặt bằng cảng Quy Nhơn mở rộng được xác định cao độ nền xây dựng khu vực cầu cảng có cao độ +2,67m.

- Cao độ san nền thấp nhất: +2.67m.

- Cao độ san nền cao nhất: +4.47m.

b. Quy hoạch giao thông

- Giao thông đường bộ:

+ Kết nối tuyến đường QL19 vào đường trục chính của cảng Quy Nhơn có lộ giới 37m (2.5m - 15m - 2m - 15m - 2.5m) tại vị trí cổng cảng;

+ Đường Phan Chu Trinh có lộ giới 19m (3.5m - 12m - 3.5m);

+ Đường trục chính của cảng có lộ giới 25m (2.5m - 20m - 2.5m);

+ Các tuyến đường nội bộ (đường gom hàng sau cảng) có lộ giới 20m (2.5m - 15m - 2.5m); có lộ giới 17.5m (15m - 2.5m); có lộ giới 15.5m (10m - 2.5m).

- Giao thông đường thủy:

+ Tuyến luồng từ phao “0” đến cảng hàng lỏng dài 8,3km, có chiều rộng B=110m được chia thành các đoạn:

+ Đoạn luồng hiện hữu (đã được công bố) từ phao “0” đến cầu nhô (bến 7, 8) với chiều dài 6,3km, chiều rộng B=110m, cao độ đáy luồng -12,4mNN (-10,9mHD);

+ Đoạn xây dựng mới vào bến tổng hợp: Nối tiếp với tuyến luồng hiện hữu, từ cầu nhô (bến 7, 8) vào bến số 1 với chiều dài 1,5km, chiều rộng luồng 110m, cao độ đáy luồng -12,4mNN (-10,9mHD);

+ Đoạn xây dựng mới vào bến hàng lỏng: Nối tiếp tuyến luồng từ bến số 1 với chiều dài 0,6km, chiều rộng luồng 110m, cao độ đáy -11,1mNN (-9,6mHD).

c. Quy hoạch cấp nước

- Mạng lưới: Cấp nước sản xuất-sinh hoạt và chữa cháy theo 2 đường ống khác nhau và được thiết kế theo mạng vòng.

- Nguồn nước cấp cho cảng: Được đầu nối trực tiếp từ Nhà máy nước thành phố Quy Nhơn công suất $100.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ theo tuyến ống D150, chạy dọc đường Phan Chu Trinh về trạm cấp nước của cảng.

- Nước cấp cho cứu hỏa: Được lấy từ các trụ cứu hỏa bố trí trên toàn mạng cấp nước với cự ly tiêu chuẩn $100\div 150\text{m}/01$ trụ cứu hỏa.

- Tổng nhu cầu cấp nước của cảng là $1.140\text{m}^3/\text{ng.đêm}$.

d. Quy hoạch thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo phương pháp tự chảy. Nước mưa được thu gom vào các tuyến mương BTCT B400÷600 (*trên mặt có tấm đan thép*) bố trí 2 bên đường rồi dẫn thoát ra biển tại 14 cửa xả; Hệ thống thoát nước mặt đi riêng hệ thống thoát nước bản.

đ. Quy hoạch cấp điện

- Đầu nối nguồn từ lưới điện 22KV hiện trạng theo tuyến đường Đồng Đa. Xây dựng thêm 04 trạm hạ áp với tổng công suất 9000KVA tại các khu vực hạ tầng kỹ thuật để cấp điện cho Khu văn phòng - quản lý nhà nước, cấp cho mạng chiếu sáng, cấp cho thiết bị tại các khu vực cầu cảng, kho bãi, cấp cho các trạm bơm và các mục đích hạ tầng kỹ thuật khác.

- Tổng nhu cầu cấp điện: 9.740KVA.

e. Vệ sinh môi trường

- Thoát nước bản: Hệ thống thu gom nước bản sinh hoạt đi riêng biệt với hệ thống nước mưa. Nước bản sinh hoạt được xử lý tập trung trong từng công trình trước khi xả vào hệ thống chung của thành phố Quy Nhơn để xử lý.

- Quản lý chất thải rắn: Chất thải rắn trong cảng được thu gom theo dịch vụ vệ sinh môi trường, đưa về các điểm trung chuyển và các khu xử lý chất thải rắn của thành phố Quy Nhơn để xử lý.

7. Các vấn đề khác

- Đối với khu đất quy hoạch cảng hàng lỏng (cảng Xăng dầu thuộc phường Thị Nại):

+ Về phạm vi ranh giới của cảng hàng lỏng (cảng Xăng dầu thuộc phường Thị Nại), thực hiện theo Quyết định số 1212/QĐ-CTUBND ngày 10/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Tổng mặt bằng xây dựng cảng Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn. Theo đó, khu đất của cảng nằm nhô ra Đầm Thị Nại khoảng 90m và quy mô diện tích cảng khoảng 3,0ha để bố trí cảng hàng lỏng. Vị trí sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng cảng hàng lỏng (cảng Xăng dầu thuộc phường Thị Nại).

+ Cảng hàng lỏng (cảng Xăng dầu thuộc phường Thị Nại) không được bố trí các bồn, kho chứa xăng dầu để đảm bảo an toàn về PCCC đối với các khu vực dân cư lân cận.

- Đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu và các số liệu đánh giá hiện trạng, tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh và hồ sơ bản vẽ.

8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Xem chi tiết Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn sau năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đính kèm theo hồ sơ quy hoạch.

9. Tổ chức thực hiện

- Phê duyệt đồ án quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.
- Thẩm định đồ án quy hoạch: Sở Xây dựng tỉnh Bình Định.
- Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
- Tư vấn lập đồ án quy hoạch: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Hàng hải.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Quyết định này được phê duyệt, Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn phải tổ chức công bố công khai quy hoạch chi tiết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này làm căn cứ để tiến hành lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật thi công công trình theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *7/1/2023*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- PVPCN;
- Lưu VT, K14, K19. (M.16b) *hql*



Lê Hữu Lộc